

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2010	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 37

1102
CÓ
TÊN
(TÊN
D
T

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 08 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

Đến thời điểm 30/06/2010, Công ty có đầu tư vào 4 công ty con:

- Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam.
- Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam .
- Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim.
- Công ty TNHH MTV In Phương Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Thị Lệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Vĩnh Đức	Thành viên
Bà Trần Thị Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Thị Lệ	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Phan Mộng Thúy	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ LỆ

Số: 11.131/BCSXHN-2010.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam, khoản đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Như đã nêu ở mục 6.4 thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có xử lý một số khoản công nợ phải trả từ năm 2007 trở về trước vào thu nhập khác với tổng giá trị là 3.943.869.418 đồng. Với các tài liệu thu thập được, chúng tôi không thể tiến hành đủ các thủ tục để cho ý kiến đối với khoản thu nhập này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có khoản chi quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.016.987.641 đồng. Khoản chi này tạm thời chưa có nguồn bù đắp và được trình bày số âm trên khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi của bảng cân đối kế toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		212.777.130.520	212.414.555.114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.311.278.291	12.712.622.388
1. Tiền	111		8.311.278.291	12.712.622.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	57.481.623.151	57.873.951.873
1. Phải thu khách hàng	131		31.080.289.682	34.047.220.108
2. Trả trước cho người bán	132		14.719.294.503	12.604.195.048
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		12.375.212.304	11.915.710.055
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(693.173.338)	(693.173.338)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	136.201.898.504	134.265.194.365
1. Hàng tồn kho	141		136.253.740.904	134.317.036.765
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.842.400)	(51.842.400)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.782.330.574	7.562.786.488
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.181.088.760	2.362.925.522
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.081.697.785	984.679.674
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		263.814.943	351.233.347
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	5.255.729.086	3.863.947.945

(Phần tiếp theo trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.096.048.327	98.829.224.534
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.124.000	94.320.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		52.124.000	94.320.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.195.745.828	58.680.861.371
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	50.003.893.340	53.327.644.513
+ Nguyên giá	222		89.524.600.188	88.326.677.187
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.520.706.848)	(34.999.032.674)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.6	602.664.821	676.460.519
+ Nguyên giá	225		887.980.197	887.980.197
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(285.315.376)	(211.519.678)
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	1.676.012.414	1.543.234.376
+ Nguyên giá	228		2.793.441.813	2.478.296.615
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.117.429.399)	(935.062.239)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	7.913.175.253	3.133.521.963
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		332.114.000	332.114.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(332.114.000)	(332.114.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	28.378.773.084	29.008.424.984
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27.237.747.214	27.237.747.214
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.252.512.679	2.885.068.079
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.111.486.809)	(1.114.390.309)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.469.405.415	11.045.618.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.481.748.055	7.463.633.399
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	474.217.399	362.945.121
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	3.513.439.961	3.219.039.660
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		311.873.178.848	311.243.779.648

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		173.361.396.227	169.164.478.272
I. Nợ ngắn hạn	310		158.046.698.801	151.973.173.662
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	46.915.067.236	38.194.892.988
2. Phải trả người bán	312	5.13	94.121.546.385	92.696.754.129
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	1.390.078.445	2.474.195.565
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	2.122.638.293	1.400.540.415
5. Phải trả người lao động	315		2.228.562.599	3.116.457.369
6. Chi phí phải trả	316	5.15	10.032.841.740	8.501.419.149
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	2.252.951.744	6.968.002.226
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.17	(1.016.987.641)	(1.379.088.179)
II. Nợ dài hạn	330		15.314.697.426	17.191.304.610
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	2.324.753.916	2.093.330.183
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	12.591.627.703	14.841.627.703
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		39.173.788	39.173.788
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		120.204.292	217.172.936
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		238.937.727	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.20	138.511.782.621	142.079.301.376
I. Vốn chủ sở hữu	410		138.511.782.621	142.079.301.376
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.589.060.000	100.589.060.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.551.810.046	34.551.810.046
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(32.400.000)	(32.400.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		19.247	19.247
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		970.956.900	2.002.730.165
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.927.972.076	1.827.959.643
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		504.364.352	3.140.122.275
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		311.873.178.848	311.243.779.648

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

	Th.		
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP N	minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		4.113.768.100	4.689.433.760
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		137,11	237,53
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI HIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	138.349.408.067	131.787.098.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	2.917.250.979	2.942.984.885
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	135.432.157.088	128.844.113.652
4. Giá vốn hàng bán	11		91.547.056.400	92.981.022.196
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.885.100.688	35.863.091.456
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	932.034.292	807.432.494
7. Chi phí tài chính	22	6.3	3.247.466.553	2.622.429.741
trong đó, chi phí lãi vay	23		3.033.806.104	2.210.327.283
8. Chi phí bán hàng	24		34.446.426.841	30.669.674.376
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.901.849.677	8.298.397.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.778.608.091)	(4.919.977.167)
11. Thu nhập khác	31	6.4	5.423.854.924	4.806.780.695
12. Chi phí khác	32		1.758.830.828	461.741.531
13. Lợi nhuận khác	40		3.665.024.096	4.345.039.164
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		1.886.416.005	(574.938.003)
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		1.081.821.541	330.586.286
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(111.272.279)	(23.619.439)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		915.866.742	(881.904.850)
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		915.866.742	(881.904.850)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.20	91	(135)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃ THÁI HIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV & doanh thu khác	01		175.003.698.948	148.380.325.020
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa DV	02		(155.788.447.125)	(112.630.561.549)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.433.485.629)	(20.552.730.522)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.162.817.895)	(1.825.902.057)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(307.283.016)	(989.858.264)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.647.712.256	9.018.711.163
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.176.673.808)	(24.681.706.057)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(11.217.296.269)	(3.281.722.266)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(238.352.630)	(660.508.829)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		709.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	(1.836.756.282)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.553.597.657	1.674.756.282
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		374.602.556	109.048.315
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.098.938.492	(713.460.514)

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	20.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(553.597.657)	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		100.437.149.568	57.913.601.346
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(93.966.975.320)	(55.995.302.592)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.199.562.911)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		4.717.013.680	21.918.298.754
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.401.344.097)	17.923.115.974
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.712.622.388	7.270.474.201
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		8.311.278.291	25.193.590.175

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI HIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 08 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực văn hóa.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

1.4. Danh sách các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Số 160/13 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
3.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim	Số 940 đường 3 tháng 2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Số 160/12 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %

1.5. Danh sách công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

STT	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	25,00%	25,00%
3.	Công ty Truyền Thông Megastar	29 Lê Duẩn, Q.1, TP HCM	20,00%	20,00%
4.	Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng	23,08%	23,08%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do chưa thu thập đủ thông tin.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Công ty chưa tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty liên kết - để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 3 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

▪ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 14 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

4.10. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.12. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.15. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.17. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán này.

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	3.322.505.893	1.424.588.314
Tiền gửi ngân hàng	4.988.772.398	11.288.034.074
Tổng cộng	8.311.278.291	12.712.622.388

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	31.080.289.682	34.047.220.108
Trả trước cho người bán	14.719.294.503	12.604.195.048
Các khoản phải thu khác	12.375.212.304	11.915.710.055
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	58.174.796.489	58.567.125.211
Dự phòng phải thu khó đòi	(693.173.338)	(693.173.338)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	57.481.623.151	57.873.951.873

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản phải thu	135.368.109	2.035.700
Trả trước cho người bán	-	2.030.412.611
Các khoản phải thu khác	110.749.113	271.234.611
Cộng - xem thêm mục 7	246.117.222	2.303.682.922

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.629.118.913	4.209.767.142
Công cụ, dụng cụ	28.215.000	28.215.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.252.095.119	12.068.451.407
Thành phẩm	12.830.554.850	13.421.065.554
Hàng hóa	100.899.499.299	99.140.489.839
Hàng gửi bán	6.614.257.723	5.449.047.823
Cộng giá gốc hàng tồn kho	136.253.740.904	134.317.036.765
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51.842.400)	(51.842.400)
Giá trị thuần có thể thực hiện	136.201.898.504	134.265.194.365

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	2.392.361.920	1.718.681.606
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	269.823.000	877.232.644
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.593.544.166	1.268.033.695
Tổng cộng	5.255.729.086	3.863.947.945

(Phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PT vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	53.166	16.687	1.409	16.559	506	88.327
Tăng trong kỳ	714	99	-	1.103	-	1.916
Thanh lý, nhượng bán	-	(696)	-	(22)	-	(718)
Số dư cuối kỳ	53.880	16.090	1.409	17.640	506	89.525
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.422	11.275	645	8.549	108	34.999
Khấu hao trong kỳ	2.902	667	82	1.308	56	5.015
Thanh lý, nhượng bán	-	(485)	-	(8)	-	(493)
Số dư cuối kỳ	17.324	11.457	727	9.849	164	39.521
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	38.744	5.412	764	8.010	398	53.328
Tại ngày cuối kỳ	36.556	4.633	682	7.791	342	50.004

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.798.377.620 đồng.

(Phần tiếp theo trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	887.980.197	887.980.197
Số dư cuối kỳ	887.980.197	887.980.197
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	211.519.678	211.519.678
Khấu hao trong kỳ	73.795.698	73.795.698
Số dư cuối kỳ	285.315.376	285.315.376
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	676.460.519	676.460.519
Tại ngày cuối kỳ	602.664.821	602.664.821

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	50.540.920	2.427.755.695	2.478.296.615
Mua trong kỳ	-	315.145.198	315.145.198
Số dư cuối kỳ	50.540.920	2.742.900.893	2.793.441.813
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.635.144	926.427.095	935.062.239
Khấu hao trong kỳ	13.244.094	169.123.066	182.367.160
Số dư cuối kỳ	21.879.238	1.095.550.161	1.117.429.399
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	41.905.776	1.501.328.600	1.543.234.376
Tại ngày cuối kỳ	28.661.682	1.647.350.732	1.676.012.414

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Các công trình nhà sách	5.431.058.703	1.460.966.360
Công trình văn phòng làm việc PNSC	370.799.496	364.969.496
Công trình cửa hàng băng đĩa	148.750.000	148.000.000
Phòng kinh doanh qua mạng	781.448.741	458.110.313
Chuỗi nhận diện hệ thống PNC	493.272.692	416.155.173
Đào tạo cán bộ kế thừa	463.290.621	229.790.621
Website PNC	49.700.000	49.700.000
CP đầu tư XDCB dở dang khác	174.855.000	5.830.000
Tổng cộng	7.913.175.253	3.133.521.963

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	27.237.747.214	27.237.747.214
Đầu tư dài hạn khác	2.252.512.679	2.885.068.079
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	29.490.259.893	30.122.815.293
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.111.486.809)	(1.114.390.309)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	28.378.773.084	29.008.424.984

Danh sách các công ty liên kết, liên doanh mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	<u>Quyền biểu quyết</u>	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/06/2010
Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Liên doanh	50,00%	9.584.000.000
Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Liên kết	25,00%	2.500.000.000
Công ty Truyền Thông Megastar	Liên kết	20,00%	12.653.840.314
Công ty Sách & TB Trường học Sóc Trăng	Liên kết	23,08%	2.499.906.900
Cộng		-	27.237.747.214

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	69.353	2.146.547.809	69.349	2.146.346.209
Đầu tư dài hạn khác		105.964.870		738.721.870
Cộng		2.252.512.679		2.885.068.079

5.10. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	7.500.000
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	23.453.898	23.453.898
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến của giao dịch nội bộ	450.763.501	331.991.223
Tổng cộng	474.217.399	362.945.121

5.11. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ thuê tài chính	214.390.400	187.366.400
Ký quỹ thuê mặt bằng	3.284.049.561	3.016.673.260
Ký quỹ khác	15.000.000	15.000.000
Tổng cộng	3.513.439.961	3.219.039.660

5.12. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	46.751.316.236	37.890.783.988
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	163.751.000	304.109.000
Tổng cộng	46.915.067.236	38.194.892.988

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Khoản vay Ngân hàng bao gồm khoản vay tín chấp và khoản vay được thế chấp bằng bất động sản của Công ty. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 55.000.000.000 đồng, lãi suất vay được qui định theo từng khế ước nhận nợ.

Nợ dài hạn đến hạn trả là khoản nợ đến hạn trả của hợp đồng thuê tài chính. (Xem thêm mục 5.19)

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	94.121.546.385	92.696.754.129
Người mua trả tiền trước	1.390.078.445	2.474.195.565
Tổng cộng	95.511.624.830	95.170.949.694

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Trong các khoản phải trả có khoản phải trả các bên có liên quan số tiền là 254.505.769 đồng (năm 2009 là 77.863.002 đồng) – Xem thêm mục 7.

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	550.368.912	459.429.977
Thuế nhập khẩu	25.492.177	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.410.905.540	723.785.420
Thuế thu nhập cá nhân	134.801.070	216.254.424
Các loại thuế khác	1.070.594	1.070.594
Tổng cộng	2.122.638.293	1.400.540.415

5.15. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí liên kết phát hành	9.387.285.801	6.888.312.498
Chi phí phải trả khác	645.555.939	1.613.106.651
Tổng cộng	10.032.841.740	8.501.419.149

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	715.495.172	716.844.972
Kinh phí công đoàn	97.204.235	78.336.415
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	57.123.373	235.776.961
Trợ cấp thất nghiệp	19.301.572	34.951.940
Cổ tức phải trả	-	2.647.129.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.363.827.392	3.254.962.338
Tổng cộng	2.252.951.744	6.968.002.226

5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	(1.379.088.179)	(732.770.452)
Chuyển nguồn quỹ	1.031.773.265	-
Trích lập trong kỳ	434.912.432	423.537.703
Tăng khác	-	10.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.104.585.159)	(847.563.114)
Số dư cuối kỳ	(1.016.987.641)	(1.146.795.863)

5.18. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận vốn góp theo HĐ hợp tác kinh doanh	726.335.156	726.335.156
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.598.418.760	521.116.000
Phải trả dài hạn khác	-	845.879.027
Tổng cộng	2.324.753.916	2.093.330.183

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.19. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	6.002.496.303	8.252.496.303
Vay đối tượng khác	6.402.000.000	6.402.000.000
Nợ thuê tài chính	187.131.400	187.131.400
Tổng cộng	12.591.627.703	14.841.627.703

Vay ngân hàng chủ yếu là khoản vay tín chấp trung hạn để đầu tư xây dựng các nhà sách, thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất được điều chỉnh theo từng năm, lãi suất vay năm đầu tiên là 12,4%/năm.

Nợ thuê tài chính có liên quan đến việc thuê tài chính phương tiện vận tải. Số dư nợ gốc đến ngày 30/06/2010 là 350.882.400 đồng, trong đó nợ đến hạn trả là 163.751.000 đồng. (Xem thêm mục 5.12).

(Phần tiếp theo trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Vốn chủ sở hữu

5.20.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch TGHD	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	65.000.000.000	48.808.872.730	(32.400.000)	-	3.144.727.481	1.507.217.807	3.519.330.019	121.947.748.037
Tăng vốn trong năm	35.589.060.000	(14.257.062.684)	-	-	(1.331.997.316)	-	-	20.000.000.000
Tăng khác	-	-	-	19.247	-	-	-	19.247
Trích lập quỹ	-	-	-	-	200.000.000	320.741.836	(1.080.014.303)	(559.272.467)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.473.149.143	3.473.149.143
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.605.570.432)	(2.605.570.432)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	(10.000.000)	-	-	(10.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(166.772.152)	(166.772.152)
Số dư đầu năm nay	100.589.060.000	34.551.810.046	(32.400.000)	19.247	2.002.730.165	1.827.959.643	3.140.122.275	142.079.301.376
Chuyển nguồn quỹ	-	-	-	-	(1.031.773.265)	-	-	(1.031.773.265)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	100.012.433	(534.924.865)	(434.912.432)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	915.866.742	915.866.742
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.016.699.800)	(3.016.699.800)
Số dư cuối kỳ	100.589.060.000	34.551.810.046	(32.400.000)	19.247	970.956.900	1.927.972.076	504.364.352	138.511.782.621

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phần Nhà Nước	15.103.200.000	15.103.200.000
Cổ phần công nhân viên Công ty	11.047.970.000	21.070.390.000
Cổ phần bán cho các đối tượng ngoài DN	60.838.510.000	34.380.220.000
Cổ đông nước ngoài	13.566.980.000	30.002.850.000
Cổ phiếu quỹ	32.400.000	32.400.000
Tổng cộng	100.589.060.000	100.589.060.000

5.20.3. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.058.906	10.058.906
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.058.906	10.058.906
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.240	3.240
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	10.055.666	10.055.666
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.20.4. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi/(Lỗ) hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	915.866.742	(881.904.850)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	10.055.666	6.532.629
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	91	(135)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.140.122.275	3.519.330.019
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	915.866.742	(881.904.850)
Bổ sung vốn điều lệ	-	(2.822.505.602)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(200.000.000)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(100.012.433)	(180.897.968)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(434.912.432)	(423.537.703)
Chia cổ tức	(3.016.699.800)	-
Chi từ lợi nhuận sau thuế	-	(130.131.725)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	504.364.352	(1.119.647.829)

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	138.349.408.067	131.787.098.537
Chiết khấu hàng bán	(710.013.710)	(702.924.060)
Hàng bán bị trả lại	(2.207.237.269)	(2.240.060.825)
Doanh thu thuần	135.432.157.088	128.844.113.652

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	200.477.146	99.008.004
Chiết khấu thanh toán	335.420.212	49.574.835
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	56.186.112	7.353.770
Lãi liên doanh	257.531.944	277.844.000
Cổ tức	82.418.878	70.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	303.651.885
Tổng cộng	932.034.292	807.432.494

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	3.033.806.104	2.210.327.283
Chênh lệch tỉ giá	101.661.943	370.782.113
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10.170.936	41.320.345
Chi phí tài chính khác	101.827.570	-
Tổng cộng	3.247.466.553	2.622.429.741

6.4. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.072.727.273	54.226.884
Bán phế liệu	177.818.028	161.337.491
Xử lý kiểm kê	97.693.450	-
Thu tiền tài trợ, thưởng	30.683.515	817.787.129
Thu tiền gửi xe	-	150.830.452
Thu tiền quảng cáo	-	1.937.950
Thu tiền cho thuê mặt bằng	9.296.043	460.257.064
Thu tiền gói quà	-	53.319.724
Xử lý công nợ không ai đòi	3.943.869.418	2.828.877.413
Thu nhập khác	91.767.197	278.206.588
Tổng cộng	5.423.854.924	4.806.780.695

Khoản công nợ không ai đòi được xử lý trong kỳ bao gồm:

- Khoản cổ tức phải trả từ năm 1999 đến năm 2005 chưa được cổ đông đến nhận	2.593.167.500
- Công nợ phải trả từ trước năm 2004	1.350.701.918
Tổng cộng	3.943.869.418

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như

- + Kinh doanh nhà sách
- + Phát hành sách
- + Sản xuất, kinh doanh văn phòng phẩm
- + Sản xuất, kinh doanh phim, băng đĩa
- + In, thiết kế

(Phần tiếp theo trang 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2010

ĐVT: 1.000.000 đồng

	Kinh doanh nhà sách	Phát hành sách	SXKD văn phòng phẩm	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	110.732	9.229	1.682	9.336	4.453	-	135.432
Giữa các bộ phận	-	4.471	4.665	3.020	3.426	(15.581)	-
Tổng cộng	110.732	13.700	6.346	12.355	7.880	(15.581)	135.432
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	4.544	831	(967)	1.257	(988)	(475)	4.202
Chi phí không phân bổ							-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	4.544	831	(967)	1.257	(988)	(475)	4.202
Thu nhập tài chính	1.744	7	6	366	8	(1.200)	932
Chi phí tài chính	3.140	6	-	102	-	-	3.247
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	467	242	-	380	-	(119)	971
Lợi nhuận sau thuế	2.682	590	(961)	1.141	(980)	(1.556)	916
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.682	590	(961)	1.141	(980)	(1.556)	916
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2.682	590	(961)	1.141	(980)	(1.556)	916
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	278.806	39.996	16.647	31.763	15.368	(70.706)	311.873
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	278.806	39.996	16.647	31.763	15.368	(70.706)	311.873
Nợ phải trả của bộ phận	137.462	23.411	8.159	18.743	2.475	(16.888)	173.361
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	137.462	23.411	8.159	18.743	2.475	(16.888)	173.361
Chi phí mua sắm tài sản	2.122	12	-	56	41	-	2.231
Chi phí khấu hao	4.423	105	94	102	547	-	5.271

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Công ty con
Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
Công ty Truyền Thông Megastar	Công ty liên kết
Công ty Sách & Thiết bị trường học Sóc Trăng	Công ty liên kết

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các công ty liên kết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.2	246.117.222	2.303.682.922
Phải trả - xem thêm mục 5.16	254.505.769	77.863.002

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	84.000.000	84.000.000
Lương Tổng Giám đốc	630.000.000	240.000.000
Tổng cộng	714.000.000	324.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với thời gian sử dụng ước tính 6 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	304.109.000	280.728.000
Trên 1 năm đến 5 năm	187.131.400	467.831.400
Tổng cộng	491.240.400	748.559.400

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn	304.109.000	280.728.000
Dài hạn	187.131.400	467.831.400
Tổng cộng	491.240.400	748.559.400

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 7 năm 2010.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI HIỆP



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ